

Số: 1645/TB-THADS.KV7

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 08 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 83, điểm a khoản 3 Điều 90 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 01/2025/KDTM-ST ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa;;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 2528/QĐ-THADS ngày 09 tháng 12 năm 2025, Quyết định Thi hành án số 5997/QĐ-THADS ngày 12 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 278/QĐ-THADS ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ kết quả thẩm định giá, xác định giá số 429/2026/3672A-AMC, số 429/2026/3672B-AMC, số 429/2026/3672C-AMC, số 429/2026/3672D-AMC số ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Công ty THHH Quản lý và khai thác tài sản.

Chấp hành viên Thi hành án dân sự Thanh Hóa (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7), địa chỉ Thôn Thọ Vực, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa cần lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản sau:

1. Tên, địa chỉ, giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 96 (đo vẽ năm 2008), diện tích theo GCNQSDĐ 1004m²;

Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

Thời hạn sử dụng: lâu dài.

Hình thức sử dụng: sử dụng riêng 1004m²

Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Địa chỉ thửa đất: Thôn Nội Thành, xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành (Nay là xã Thạch Quảng), tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL935210, Sổ vào sổ cấp GCN: VP00212 do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa cấp ngày 13/07/2023, cấp cho ông Cao Viết Lịch và bà Phạm Thị Hạnh.

Thửa đất có vị trí như sau:

Phía Bắc giáp đường giao thông

Phía Đông giáp đất lâm nghiệp



Phía Nam giáp thửa số 267

Phía Tây giáp đường

* Hiện trạng quyền sử dụng đất: Theo bản trích lục thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa kèm theo. Diện tích thực tế 1.004,1m².

* Tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên gồm:

- 01 nhà xây thô chưa hoàn thiện có diện tích 16m², tường xây gạch đỏ không trát, mái lợp tôn thường.

- 01 nhà xây thô chưa hoàn thiện có diện tích 7,5m², tường xây gạch đỏ không trát, không mái.

- 09 trụ bê tông có kích thước mỗi trụ là 1mx0,3mx0,3m.

- 01 Đoạn tường xây gạch không nung có chiều dài 18,3m, cao trung bình 2,2m.

- Nền đồ bê tông diện tích 362m².

- 01 sân gạch ceramic, diện tích 20m².

Ngoài ra còn có một số cây bụi, cây đại không có giá trị.

Tài sản có giá thẩm định là:

+ Quyền sử dụng đất: 502.000.000đồng

+ Tài sản gắn liền với đất: 42.120.025đồng

Tổng cộng: 544.120.025đồng

Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn không trăm hai mươi lăm đồng.

Giá khởi điểm: 544.120.025đồng (Năm trăm bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn không trăm hai mươi lăm đồng).

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số: 96 (Đo vẽ năm 2008), diện tích 777,1m²;

Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

Thời hạn sử dụng: lâu dài.

Hình thức sử dụng: sử dụng riêng 777,1m²

Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Địa chỉ thửa đất: Thôn Nội Thành, xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành (Nay là xã Thạch Quảng), tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 355942, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00198 do UBND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/01/2023 cho ông Quách Văn Quân, bà Quách Thị Vín. Ngày 07/6/2023 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạch Thành xác nhận chuyển nhượng QSDĐ cho ông Cao Viết Lịch và bà Phạm Thị Hạnh.

Thửa đất có vị trí như sau:

Phía Bắc giáp thửa số 25

Phía Đông giáp đường

Phía Nam giáp đường giao thông

Phía Tây giáp đường giao thông

* Hiện trạng quyền sử dụng đất: Theo bản trích lục thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa kèm theo.

* Tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên gồm:

- 01 nhà xây thô diện tích 7,5m² chưa hoàn thiện, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch đỏ không chất, không mái.

- 01 bể chứa nước có thể tích 5,6m³.

- 01 bể bơi có thể tích 60m³.

- 01 sân cỏ bê tông láng phẳng, diện tích 20m².

- 01 sân gạch ceramic, diện tích 40m².

Ngoài ra còn có một số cây bụi, cây đại không có giá trị.

Tài sản có giá thẩm định là:

+ Quyền sử dụng đất: 621.680.000đồng

+ Tài sản gắn liền với đất: 60.461.060đồng

Tổng cộng: 682.141.060đồng

Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi hai triệu một trăm bốn mươi một nghìn không trăm sáu mươi đồng .

Giá khởi điểm: 682.141.060đồng (Sáu trăm tám mươi hai triệu một trăm bốn mươi một nghìn không trăm sáu mươi đồng).

Tài sản 3: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 373, tờ bản đồ số 97 (đo vẽ năm 2008), diện tích theo GCNQSDĐ 486,5m²;

Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

Thời hạn sử dụng: lâu dài.

Hình thức sử dụng: sử dụng riêng.

Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Địa chỉ thửa đất: Thôn Nội Thành, xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành (Nay là xã Thạch Quảng), tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL773394, Sổ vào sổ cấp GCN: CN00236 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạch Thành cấp ngày 07/11/2023 cho ông Cao Viết Lịch và bà Phạm Thị Hạnh.

Thửa đất có vị trí như sau:

Phía Bắc giáp thửa số 372

Phía Đông giáp thửa số 374

Phía Nam giáp đường giao thông

Phía Tây giáp đường giao thông

* Hiện trạng quyền sử dụng đất: Hiện trạng quyền sử dụng đất theo bản trích lục thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa kèm theo.

* Tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên gồm có một số cây bụi, cây đại không có giá trị.

Toàn bộ công trình xây dựng ở các thửa đất nêu trên hiện bỏ hoang, đã xuống cấp theo thời gian sử dụng.

Tài sản có giá thẩm định là:

+ Quyền sử dụng đất: 2.009.245.000đồng

Tổng cộng: 2.009.245.000đồng

Bằng chữ: Hai tỷ không trăm linh chín triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng.



Giá khởi điểm: 2.009.245.000đồng (Hai tỷ không trăm linh chín triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)

Tài sản 4: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 96 (đo vẽ năm 2008), diện tích theo GCNQSDĐ 280,5m²;

Hình thức sử dụng: sử dụng riêng.

Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 120m², đất trồng CLN: 160,5m²

Thời hạn sử dụng: Đất ở: lâu dài; Đất trồng cây lâu năm sử dụng đến 15/10/2043

Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất 120m²; Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất 160,5m²;

Địa chỉ thửa đất: Thôn Nội Thành, xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành (Nay là xã Thạch Quảng), tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN478955, Số vào sổ cấp GCN: CN00245 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạch Thành cấp ngày 08/01/2024 cho ông Cao Viết Lịch và bà Phạm Thị Hạnh.

Thửa đất có vị trí như sau:

Phía Bắc giáp thửa số 266

Phía Đông giáp đất lâm nghiệp

Phía Nam giáp thửa số 270

Phía Tây giáp đường giao thông

* Hiện trạng quyền sử dụng đất: Theo bản trích lục thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa kèm theo.

* Tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên là các cây bụi, cây đại không có giá trị.

Tài sản có giá thẩm định là:

+ Quyền sử dụng đất: 200.017.500đồng

Tổng cộng: 200.017.500đồng

Bằng chữ: Hai trăm triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng.

Giá khởi điểm: 200.017.500đồng (Hai trăm triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Chấp hành viên Thi hành án dân sự Thanh Hóa thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết, đăng ký.

2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá

Tiêu chí lựa chọn thực hiện theo Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.

Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Điều 33 của Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp như sau:

Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với tài sản nêu trên; Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Ưu tiên tổ chức hành nghề đấu giá có hình thức đấu giá trực tuyến); Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín

của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố; Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

(Cụ thể các tiêu chí theo Phụ lục bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ban hành kèm theo Thông báo này).

3. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

Văn bản đề nghị tham gia cung cấp dịch vụ bán đấu giá tài sản; Hồ sơ năng lực của tổ chức hành nghề đấu giá, phụ lục I bảng tiêu chí đánh giá chấm điểm của tổ chức đấu giá tài sản và các tài liệu chứng minh liên quan (theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15).

Lưu ý: Cơ quan Thi hành án dân sự không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được lựa chọn.

Tổ chức hành nghề đấu giá tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Trường hợp có kết quả xác minh khẳng định tổ chức hành nghề đấu giá tài sản giả mạo hồ sơ hoặc cố ý cung cấp thông tin làm sai lệch hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thì người có tài sản không đánh giá, chấm điểm đối với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó.

Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 12/8/2026 đến hết ngày 14/8/2026 (Trong giờ hành chính).

Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Văn thư Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7-tỉnh Thanh Hoá.

Địa chỉ nộp hồ sơ: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7- Thanh Hoá, địa chỉ: Thôn Thọ Vực, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Vậy, thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá được biết và nộp hồ sơ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử THADS Thanh Hóa;
- Cổng đấu giá tài sản Quốc gia;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Thanh Hóa;
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Hoàng Anh Tuấn).

CHẤP HÀNH VIÊN



Hoàng Anh Tuấn



PHỤ LỤC I

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0

1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0

5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0

2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0
Tổng số điểm		100